TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2023/DS-PT
Ngày: 20/7/2023.
V/v tranh chấp: "Thừa kế theo pháp luật, chia quyền sử dụng đất trong hộ và lối đi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 492/2022/TLPT-DS ngày 19/12/2022 về việc tranh chấp: "*Thừa kế theo pháp luật, chia quyền sử dụng đất trong hộ và lối đi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 248/2022/DSST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐ-PT ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Phạm Thị T, sinh năm 1960; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà T:*(có mặt)
Luật sư – Nguyễn Trung N – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T;
Địa chỉ: Số 4 – Hai Bà trưng, khu phố 2, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953; (có văn bản xin vắng mặt)
Nguyễn Thị T2, sinh năm 1954;(có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị T3, sinh năm 1954;(có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị C, sinh năm 1970;(có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1979;(có văn bản xin vắng mặt)
Nguyễn Thị Trúc A1, sinh năm 1985;(có văn bản xin vắng mặt)
Nguyễn Văn L, sinh năm 1989;(có văn bản xin vắng mặt)
Nguyễn Văn T4, sinh năm 1991;(có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1977;(có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Thị Hồng T6, sinh năm 1991;
Nguyễn Thị Thanh T7, sinh năm 1996;
Đại diện theo ủy quyền của chị Hồng T6, chị Thanh T7:
Phạm Thị T, sinh năm 1960; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Kim Mỹ N1, sinh năm 1984;
Đại diện theo ủy quyền của chị Mỹ N1:
Phạm Thị T, sinh năm 1960;(có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1986;(có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn K và bị đơn Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Cha của ông K là cụ Nguyễn Văn T8 chết năm 1970, mẹ là cụ Trần Thị T9 chết năm 2012, có 06 người con gồm: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị C;

Cụ Trần Thị T9 chết không lập di chúc, có tài sản là diện tích 323m^2 (300m^2 đất thổ cư, 23m^2 đất cây lâu năm) thuộc thửa đất số 952, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử đất số 00424 ngày 26/02/1999, cấp cho hộ bà Trần Thị T9;

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ T9 có 07 thành viên gồm: Cụ Trần Thị T9, ông Nguyễn Văn K, bà Cao Thị H2 (vợ ông K, chết năm 2002), chị Nguyễn Thị Trúc A1, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T4 và chị Nguyễn Thị Kim A. Hiện tại ông K là người đang quản lý diện tích đất nêu trên;

Trên phần đất tranh chấp có 01 lối đi vào nhà của bà T đã sử dụng từ trước đến hiện tại với chiều ngang 1,5m. Tháng 10/2019, ông K và các anh em làm thủ

tục cho ông K được thừa kế đất, nhưng bà T ngăn cản vì tranh chấp việc sử dụng lối đi trên đất;

Ông K yêu cầu chia diện tích đất trong hộ cho 07 thành viên. Xác định quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị T9 chia thừa kế theo pháp luật cho 06 người thừa kế. Ông K đồng ý chia quyền sử dụng đất trong hộ cho chị Kim A và giao diện tích đất có lối đi cho bà T, nếu bà T yêu cầu thêm diện tích lối đi thì phải trả cho ông K giá trị đất theo Biên bản định giá tài sản.

* Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Chồng bà T là ông Nguyễn Văn H1 chết năm 2004. Khi còn sống, cha mẹ chồng có cho vợ chồng bà T thửa đất số 1898 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm phía sau thửa đất 952. Khi cha mẹ chồng cho đất có chừa một lối đi chung cho hộ bà Trần Thị T9 và hộ ông Nguyễn Văn H1. Sau khi ông H1 chết, bà T tiếp tục sử dụng lối đi như trước có chiều ngang 1,7m, dài khoảng 25,7m;

Bà T yêu cầu khi chia đất trong hộ và chia di sản thừa kế là thửa đất 952 phải trừ phần diện tích lối đi khoảng 43,69m^2 để hộ bà T tiếp tục sử dụng lối đi như từ trước đến nay. Phần diện tích còn lại của thửa đất 952 do Tòa án phân chia theo quy định pháp luật.

*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: Từ nhỏ chị Kim A đã sống chung hộ bà Trần Thị Tư . Chị Kim A yêu cầu chia đất trong hộ thửa đất số 952 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0142000424/CB do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/02/1999 cho hộ bà Trần Thị Tư . Chị Kim A xin nhận đất và tự nguyện tặng cho bà T diện tích đất của chị Kim A được chia. Chị Kim A thống nhất cho bà T nhận phần đất thừa kế của ông H1.

Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị C trình bày: Thống nhất yêu cầu như ông K, ông T1, bà T3, bà T2, bà C tự nguyện tặng cho ông K quyền sử dụng đất thừa kế theo pháp luật. Ông T1, bà T3, bà T2, bà C không có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Trúc A1, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T4 trình bày: Thống nhất yêu cầu như ông K, chị Trúc A1, anh L, anh T4 tự nguyện tặng cho ông K quyền sử dụng đất được chia trong hộ. Chị Trúc A1, anh L, anh T4 không có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Kim T5 trình bày: Thống nhất như trình bày của bà T. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa gia đình bà T và ông K là do ông K tự ý mời cán bộ địa chính đến đo đất làm giấy tờ sang tên quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T9 qua ông K, nhưng không trao đổi với bà T là vợ của ông H1. Ông H1 và bà T có con chung là Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Minh H3 (chết), Nguyễn Thị Kim Mỹ N1, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Hồng T6 và Nguyễn Thị Thanh T7. Chị T5 yêu cầu khi Tòa phân chia đất thừa

kế của bà T9 có xem xét cho hộ bà T tiếp tục sử dụng lối đi như từ trước đến nay. Chị T5 đồng ý tặng cho bà T phần đất thừa kế thế vị của ông H1.

Chị Nguyễn Thị Hồng T6, chị Nguyễn Thị Thanh T7, chị Nguyễn Thị Kim Mỹ N1 trình bày: Thống nhất yêu cầu như bà T. Chị T6, chị T7, chị N1 tự nguyện tặng cho bà T phần đất thừa kế thế vị của ông H1.

Chi Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số 248/2022/DSST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng vào các Điều 219, 660, 254 Bộ luật dân sự,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về chia quyền sử dụng đất trong hộ và thừa kế theo pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim A về chia quyền sử dụng đất trong hộ.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Hồng T6, Nguyễn Thị Thanh T7, Nguyễn Thị Kim Mỹ N1 tặng cho bà Phạm Thị T diện tích đất thừa kế 8,78m^2 đất thổ cư, thửa đất số 952. Chị Nguyễn Thị Kim A tặng cho bà Phạm Thị T diện tích đất được chia trong hộ 40m^2 đất thổ cư, thửa đất số 952. Tổng cộng diện tích đất bà Phạm Thị T được quyền sử dụng là 48,78m^2 đất thổ cư, thửa đất số 952, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00424 ngày 26/02/1999, tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị C tặng cho ông Nguyễn Văn K toàn bộ diện tích đất được chia thừa kế. Chị Nguyễn Thị Trúc A1, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T4 tặng cho ông Nguyễn Văn K toàn bộ diện tích đất được chia trong hộ. Tổng cộng diện tích đất ông Nguyễn Văn K được quyền sử dụng là 243,92m^2 đất, thửa đất số 952, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00424 ngày 26/02/1999, tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T được sử dụng lối đi trên diện tích đất bà T được nhận 48,78m^2, thửa đất số 952 (nêu trên).

Khi án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 11/10/2022, bà Phạm Thị T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị xem xét riêng cho bà lối đi vào nhà bà mà bà đã sử dụng từ năm 1980 đến thời điểm hiện tại;

Ngày 12/10/2022, ông Nguyễn Văn K kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị xem xét chia cho bà T phần đất ngang 1,5m, dài hết thửa đất để làm lối đi cho bà T và phần đất còn lại thuộc thửa 952 nằm về phía Đông chia cho bà T, phần chênh lệch bà T phải hoàn giá trị;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Văn K thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo đề nghị chia cho bà T phần đất ngang 1,5m, dài hết thửa đất để làm lối đi cho bà T (vị trí 2) và phần đất còn lại thuộc thửa 952 nằm về phía Đông (vị trí 3) chia cho bà T, ông K không yêu cầu bà T hoàn lại giá trị;

Bị đơn Phạm Thị T đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không vi phạm quy định pháp luật, trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T10, yêu cầu độc lập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Di sản thừa kế, chia tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất và lối đi" được quy định tại các điều 219, 612, 254 Bộ luật Dân Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 11/10/2022 của bà Phạm Thị T và đơn kháng cáo ngày 12/10/2022, biên lai nộp tạm ứng án phí của ông Nguyễn Văn K thì bà T, ông K kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Tại phiên tòa, ông K thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của ông K không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của ông K;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản xin vắng mặt nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét những căn cứ Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế, tài sản chung của hộ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ: Căn cứ Công văn số 113/CNVPĐKĐĐ ngày 10/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác định: "Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 952, tờ bản đồ số 02, diện tích 323m^2, mục đích sử dụng đất: T, vườn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00424 ngày 26/02/1999 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ bà Trần Thị T9";

Căn cứ văn bản tra cứu của Công an huyện G đã xác nhận: "Thành viên hộ bà Trần Thị T9 tại thời điểm ngày 26/02/1999 gồm có 07 thành viên: Bà Trần Thị T9, ông Nguyễn Văn K, bà Cao Thị H2 (xóa tử ngày 29/8/2002) chị Nguyễn Thị Trúc A1, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn T4 và chị Nguyễn Thị Kim A";

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất 952 là tài sản chung của hộ nên đã chia tài sản chung của hộ, chia di sản thừa kế của cụ T9 theo pháp luật, giải quyết về lối đi cho bà T và bà T phải hoàn giá trị cho ông K là chưa phù hợp, bởi vì:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất 952 hình thành từ vợ chồng cụ Trần Thị T9 là nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T11 từ năm 1957 và sử dụng cho đến thời điểm bà T9 làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 26/02/1999;

Tuy tại thời điểm ngày 26/02/1999 thì theo sổ hộ khẩu của hộ bà T9 có 07 thành viên trong sổ hộ khẩu gia đình nhưng tài sản này do vợ chồng bà Tư tự tạo l trước năm 1975, các thành viên trong hộ không có công sức đóng góp;

Vì thế thửa đất 952 là tài sản riêng của của bà T9 cho nên khi bà T9 chết thì thửa đất số 952 là di sản của bà T9, bà T9 chết không lập di chúc nên được chia theo pháp luật.

Tuy nhiên hàng thừa kế thứ nhất của cụ T9 đồng ý giao kỷ phần cho ông K và hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H1 đồng ý giao kỷ phần cho bà T để làm lối đi và không có kháng cáo về phần này; Căn cứ vào tình hình thực tế bà Phạm Thị T đang quản lý sử dụng đất thì việc thỏa thuận này có lợi cho bà T;

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T đã thỏa thuận được với nhau là ông K đồng ý nhận toàn bộ phần đất ở vị trí 1 có diện tích 230,5m^2 (đất ở nông thôn) và bà Phạm Thị T được sở hữu toàn bộ diện tích đất ở vị trí 2 có diện tích 36,9m^2 và vị trí 3 có diện tích 23,9m^2 (đất ở nông thôn) cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn K được sở hữu toàn bộ diện tích ở vị trí 1 có diện tích 230,5m^2, tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Phạm Thị T được chia (vị trí 2) có chiều dài là 26,23m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Tạ Thành M có chiều dài là 26,23m;

Hướng Nam giáp đường liên ấp K – Kinh Trên có chiều dài là 8,8m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 8,48m.

Bà Phạm Thị T được sở hữu toàn bộ diện tích ở vị trí 2 có diện tích 36,9m^2 và vị trí 3 có diện tích 23,9m^2, tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

Vị trí 2 có diện tích 36,9m^2:

Hướng Đông giáp phần đất đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài là 23,44m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn K được chia (vị trí 1) có chiều dài là 26,23m;

Hướng Nam giáp đường liên ấp K – Kinh Trên có chiều dài là 1,5m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 1,5m.

Vị trí 3 có diện tích 23,9m^2:

Hướng Đông giáp phần đất đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài là 1,46m;

Hướng Tây giáp phần đất bà Phạm Thị T được chia (vị trí 2) có chiều dài là 2,64m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài gồm các đoạn: 5,5m; 3,77m; 0,5m và 2,53m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 11,59m.

Sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét sự ghi nhận sự thỏa thuận này;

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định;

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng vào các Điều 219, 660, 254 Bộ luật Dân sự,

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Nguyễn Văn K và bị đơn Phạm Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 248/2022/DSST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang:

Ông Nguyễn Văn K được sở hữu toàn bộ phần đất ở vị trí 1 có diện tích 230,5m^2, loại đất ở nông thôn và bà Phạm Thị T được sở hữu toàn bộ diện tích đất ở vị trí 2 có diện tích 36,9m^2, loại đất ở nông thôn và vị trí 3 có diện tích 23,9m^2 loại đất ở nông thôn (theo giấy chứng nhận quyền sử đất số 00424 ngày 26/02/1999, cấp cho hộ bà Trần Thị T9 tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang) cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn K được sở hữu toàn bộ diện tích tại vị trí 1 có diện tích 230,5m^2, tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Phạm Thị T được chia (vị trí 2) có chiều dài là 26,23m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Tạ Thành M có chiều dài là 26,23m;

Hướng Nam giáp đường liên ấp K – Kinh Trên có chiều dài là 8,8m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 8,48m.

Bà Phạm Thị T được sở hữu toàn bộ diện tích tại vị trí 2 có diện tích 36,9m^2 và vị trí 3 có diện tích 23,9m^2, tại ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

Vị trí 2 có diện tích 36,9m^2:

Hướng Đông giáp phần đất đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài là 23,44m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn K được chia (vị trí 1) có chiều dài là 26,23m;

Hướng Nam giáp đường liên ấp K – Kinh Trên có chiều dài là 1,5m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 1,5m.

Vị trí 3 có diện tích 23,9m^2:

Hướng Đông giáp phần đất đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài là 1,46m;

Hướng Tây giáp phần đất bà Phạm Thị T được chia (vị trí 2) có chiều dài là 2,64m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T1 có chiều dài gồm các đoạn: 5,5m; 3,77m; 0,5m và 2,53m;

Hướng Bắc giáp đất bà Phạm Thị T có chiều dài là 11,59m.

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguễn Văn K1 và bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai làm thủ tục tách thửa, sang tên theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.830.000 đồng, được trừ số tiền 386.000 đồng theo biên lai thu số 0017585 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, ông K còn phải nộp số tiền 13.444.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 375.000 đồng theo biên lai thu số 0018340 ngày 07/12/202 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông K đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028139, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà Phạm Thị T không phải án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà T đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028142, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Công Đông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu